

**SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH**  
**Bệnh Viện Nguyễn Trãi**

**THÔNG BÁO DANH SÁCH BỆNH NHÂN CHƯA HOÀN TẤT THỦ TỤC THANH TOÁN  
XUẤT VIỆN TẠI BV NGUYỄN TRÃI  
GIAI ĐOẠN: TỪ THÁNG 07-12/2025**

| STT | Mã BA             | Tên BN                | Khoa                             | Ngày vào   | Ngày ra    | Tổng tiền của BN | Tạm ứng    | Thừa hoàn trả |
|-----|-------------------|-----------------------|----------------------------------|------------|------------|------------------|------------|---------------|
| 1   | 701/3.8/25/033364 | NGUYỄN THỊ LÂU        | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 29/09/2025 | 29/09/2025 | 69.500           | 3.000.000  | 2.930.500     |
| 2   | 701/3.8/25/022200 | TỪ UYÊN TRẠCH         | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 03/07/2025 | 03/07/2025 | 362.400          | 600.000    | 237.600       |
| 3   | 701/3.8/25/023438 | NGUYỄN THÀNH CÔNG     | Khoa Tim mạch 1 (Điều trị)       | 13/07/2025 | 14/07/2025 | 1.459.778        | 3.000.000  | 1.540.222     |
| 4   | 701/3.8/25/024300 | NGUYỄN THỊ TUYẾT      | Khoa Tim mạch 2                  | 19/07/2025 | 22/07/2025 | 230.300          | 1.000.000  | 769.700       |
| 5   | 701/3.8/25/029398 | NGUYỄN VĂN KHÔI       | Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc | 27/08/2025 | 08/09/2025 | 12.858.422       | 13.000.000 | 141.578       |
| 6   | 701/3.8/25/026098 | KHUU HOANG KHOA       | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 02/08/2025 | 02/08/2025 | 1.994.460        | 3.000.000  | 1.005.540     |
| 7   | 701/3.8/25/026531 | NGUYỄN TẤN SANG       | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 05/08/2025 | 05/08/2025 | 1.528.209        | 3.000.000  | 1.471.791     |
| 8   | 701/3.8/25/027071 | LÂM NHẬT TRƯỜNG       | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 10/08/2025 | 10/08/2025 | 245.300          | 500.000    | 254.700       |
| 9   | 701/3.8/25/030226 | ĐẶNG DUY TIÊN         | Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc | 05/09/2025 | 24/09/2025 | 12.804.898       | 13.000.000 | 195.102       |
| 10  | 701/3.8/25/028210 | NGUYỄN VĂN BÊ         | Khoa Hô hấp (Cấp cứu hô hấp)     | 18/08/2025 | 11/09/2025 | 18.796.837       | 19.000.000 | 203.163       |
| 11  | 701/3.8/25/038578 | NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT | Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc | 09/11/2025 | 16/11/2025 | 8.838.660        | 9.000.000  | 161.340       |
| 12  | 701/3.8/25/023772 | NGUYỄN HỮU THÀNH      | Khoa Ngoại - tiết niệu           | 15/07/2025 | 16/07/2025 | 578.539          | 700.000    | 121.461       |
| 13  | 701/3.8/25/030358 | NGUYỄN VĂN CU         | Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc | 05/09/2025 | 06/09/2025 | 3.522.372        | 4.000.000  | 477.628       |
| 14  | 701/3.8/25/023658 | ĐOÀN VĂN BA           | Khoa ngoại tổng hợp IB           | 14/07/2025 | 21/07/2025 | 2.970.756        | 3.000.000  | 29.244        |
| 15  | 701/3.8/25/031276 | TRẦN QUỐC TUẤN        | Khoa ngoại tổng hợp IB           | 12/09/2025 | 19/09/2025 | 577.732          | 3.000.000  | 2.422.268     |
| 16  | 701/3.8/25/031651 | NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH  | Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc | 16/09/2025 | 23/09/2025 | 14.444.975       | 21.000.000 | 6.555.025     |
| 17  | 701/3.8/25/034437 | NGUYỄN NGỌC TÚ        | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 07/10/2025 | 07/10/2025 | 245.300          | 700.000    | 454.700       |
| 18  | 701/3.8/25/039245 | NGUYỄN VĂN QUỲNH      | Khoa Hô hấp (Điều trị)           | 13/11/2025 | 02/12/2025 | 2.975.100        | 3.000.000  | 24.900        |
| 19  | 701/3.8/25/034438 | NGUYỄN TRUNG KIÊN     | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 07/10/2025 | 07/10/2025 | 245.300          | 700.000    | 454.700       |

| STT | Mã BA             | Tên BN                | Khoa                             | Ngày vào   | Ngày ra    | Tổng tiền của BN | Tạm ứng    | Thừa hoàn trả |
|-----|-------------------|-----------------------|----------------------------------|------------|------------|------------------|------------|---------------|
| 20  | 701/3.8/25/035057 | NGUYỄN THỊ GIỜ        | Khoa Tim mạch 1 (Cấp cứu tim)    | 12/10/2025 | 15/10/2025 | 5.810.921        | 7.000.000  | 1.189.079     |
| 21  | 701/3.8/25/037657 | CỔ CẨM HỒNG ĐỨC       | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 31/10/2025 | 31/10/2025 | 90.500           | 500.000    | 409.500       |
| 22  | 701/3.8/25/038001 | LƯƠNG THỊ HUỆ         | Khoa Nội thần kinh               | 04/11/2025 | 09/11/2025 | 7.283.990        | 8.000.000  | 716.010       |
| 23  | 701/3.8/25/040262 | LÊ VĂN NAM            | Khoa Cấp cứu tổng hợp            | 22/11/2025 | 22/11/2025 | 245.300          | 500.000    | 254.700       |
| 24  | 701/3.8/25/023571 | NGUYỄN THỊ HÒA        | Khoa Nội tổng hợp                | 14/07/2025 | 16/07/2025 | 4.548.225        | 5.000.000  | 451.775       |
| 25  | 701/3.8/25/040397 | NGUYỄN PHẠM DUY QUANG | Khoa ngoại tổng hợp IB           | 24/11/2025 | 24/11/2025 | 1.065.944        | 3.000.000  | 1.934.056     |
| 26  | 701/3.8/25/041273 | PHẠM TRUNG HIẾU       | Khoa Tim mạch 2                  | 30/11/2025 | 02/12/2025 | 1.763.754        | 3.000.000  | 1.236.246     |
| 27  | 701/3.8/25/041507 | TRẦN THỊ NGA          | Khoa Tim mạch 3 (1)              | 01/12/2025 | 09/12/2025 | 2.517.705        | 3.000.000  | 482.295       |
| 28  | 701/3.8/25/037588 | HUYỀN KIM THÀ         | Khoa Nội tổng hợp                | 31/10/2025 | 05/11/2025 | 3.697.204        | 4.000.000  | 302.796       |
| 29  | 701/3.8/25/039735 | LÊ THỊ PHONG LAN      | Khoa Nội tổng hợp                | 17/11/2025 | 26/11/2025 | 3.872.391        | 4.000.000  | 127.609       |
| 30  | 701/3.8/25/040081 | VÒNG CÔNG HIỀN        | Khoa Nội tổng hợp                | 20/11/2025 | 08/12/2025 | 4.217.186        | 6.000.000  | 1.782.814     |
| 31  | 701/3.8/25/039196 | VÕ CHIÊU TRUNG        | Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc | 13/11/2025 | 04/12/2025 | 11.868.143       | 12.000.000 | 131.857       |
| 32  | 701/3.8/25/033085 | NGUYỄN THỊ THANH NHI  | Khoa Tiêu hóa                    | 26/09/2025 | 26/09/2025 | 419.455          | 500.000    | 80.545        |
| 33  | 701/3.8/25/035334 | H VI KTLA             | Khoa Tiêu hóa                    | 14/10/2025 | 20/10/2025 | 1.002.310        | 3.000.000  | 1.997.690     |
| 34  | 701/3.8/25/021669 | NGUYỄN THỊ BÉ         | Khoa Tim mạch 1 (Cấp cứu tim)    | 29/06/2025 | 04/07/2025 | 4.217.755        | 5.000.000  | 782.245       |
| 35  | 701/3.8/25/022915 | VÕ THỊ LẠI            | Khoa Tim mạch 1 (Cấp cứu tim)    | 09/07/2025 | 10/07/2025 | 10.051.098       | 14.000.000 | 3.948.902     |
| 36  | 701/3.8/25/031498 | NGÔ TAM MUỘI          | Khoa Tim mạch 1 (Cấp cứu tim)    | 15/09/2025 | 16/09/2025 | 1.590.552        | 3.000.000  | 1.409.448     |
| 37  | 701/3.8/25/034447 | NGUYỄN HỮU GIANG      | Khoa Tim mạch 2                  | 07/10/2025 | 07/10/2025 | 127.302          | 500.000    | 372.698       |
| 38  | 701/3.8/25/038373 | NGUYỄN THIÊN NHƯ ANH  | Khoa Tim mạch 2                  | 06/11/2025 | 17/11/2025 | 9.983.205        | 10.000.000 | 16.795        |
| 39  | 701/3.8/25/037150 | CHAN VANNA            | Khoa Tim mạch 3 (1)              | 28/10/2025 | 30/10/2025 | 4.620.448        | 5.000.000  | 379.552       |
| 40  | 701/3.8/25/042277 | NGUYỄN HOÀNG TRUNG    | Khoa Tim mạch 1 (Cấp cứu tim)    | 08/12/2025 | 23/12/2025 | 35.060.500       | 38.000.000 | 2.939.500     |
| 41  | 701/3.8/25/023254 | PHAN THỊ ANH TUYẾT    | Khoa Y học cổ truyền             | 03/07/2025 | 14/07/2025 | 234.500          | 400.000    | 165.500       |
| 42  | 701/3.8/25/022251 | NGUYỄN THỊ CẨM HƯƠNG  | Khoa Y học cổ truyền             | 03/07/2025 | 14/07/2025 | 42.420           | 400.000    | 357.580       |
| 43  | 701/3.8/25/022243 | NGUYỄN THỊ GÁI        | Khoa Y học cổ truyền             | 11/07/2025 | 21/07/2025 | 172.000          | 400.000    | 228.000       |
| 44  | 701/3.8/25/026652 | LÊ NGỌC THU           | Khoa Y học cổ truyền             | 06/08/2025 | 18/08/2025 | 337.860          | 400.000    | 62.140        |
| 45  | 701/3.8/25/026823 | TRẦN THỊ KIỀU         | Khoa Y học cổ truyền             | 07/08/2025 | 15/08/2025 | 36.360           | 400.000    | 363.640       |

| STT              | Mã BA             | Tên BN              | Khoa                 | Ngày vào   | Ngày ra    | Tổng tiền của BN   | Tạm ứng            | Thừa hoàn trả     |
|------------------|-------------------|---------------------|----------------------|------------|------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 46               | 701/3.8/25/027644 | NGUYỄN THỊ KIM EM   | Khoa Y học cổ truyền | 13/08/2025 | 22/08/2025 | 240.800            | 400.000            | 159.200           |
| 47               | 701/3.8/25/029890 | TRẦN MINH THÀNH     | Khoa Y học cổ truyền | 03/09/2025 | 15/09/2025 | 320.500            | 800.000            | 479.500           |
| 48               | 701/3.8/25/030083 | NGUYỄN NGỌC GIÀU    | Khoa Y học cổ truyền | 04/09/2025 | 12/09/2025 | 145.440            | 400.000            | 254.560           |
| 49               | 701/3.8/25/030654 | NGUYỄN THỊ TIÊN     | Khoa Y học cổ truyền | 08/09/2025 | 18/09/2025 | 216.960            | 400.000            | 183.040           |
| 50               | 701/3.8/25/030815 | HÀ KIM LIÊN         | Khoa Y học cổ truyền | 09/09/2025 | 19/09/2025 | 376.400            | 800.000            | 423.600           |
| 51               | 701/3.8/25/030784 | BÙI THỊ DIỄM TRINH  | Khoa Y học cổ truyền | 09/09/2025 | 19/09/2025 | 348.800            | 400.000            | 51.200            |
| 52               | 701/3.8/25/031116 | HÀ MỸ LIÊN          | Khoa Y học cổ truyền | 11/09/2025 | 22/09/2025 | 133.760            | 400.000            | 266.240           |
| 53               | 701/3.8/25/035504 | NGUYỄN THỊ HỒNG MAI | Khoa Y học cổ truyền | 15/10/2025 | 21/10/2025 | 41.300             | 800.000            | 758.700           |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                   |                     |                      |            |            | <b>201.449.826</b> | <b>245.600.000</b> | <b>44.150.174</b> |

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lập bảng



Quách Thanh Hưng

Lý Lan Hương

Phan Thị Kim Kiên

